TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 - 2018
(V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Hà Trọng Tâm

Ông (Bà) Bùi Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thúy Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố M tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T O** – sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Đường số 1, khóm 5, phường 8, Tp. M, tỉnh Cà Mau*(Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Đào M S** – sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Đường số 1, khóm 5, phường 8, Tp. M, tỉnh Cà Mau*(Có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh M;** Địa chỉ: Khóm 1, phường 7, Tp M, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Chị **Thái Thị T V** – sinh năm: 1982. Chức vụ phó phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh M là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 603 ngày 26/6/2018*(Xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân: Chị O, anh S đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do: Chị O cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi xích mích không dung hoà được, từ khi kết hôn cho đến nay anh S đã đánh chị 3 lần, làm cho chị bị thương, ngoài ra anh còn thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến gia đình, những lúc chị bị bệnh anh S cũng không

chăm sóc cho chị, nay chị không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu ly hôn với anh S. Anh S cho rằng do anh lo công việc làm ăn nên ít khi quan tâm đến vợ, con, khi chị O bị bệnh, anh cũng đã xin nghỉ ở cơ quan để chăm sóc cho chị, nay chị O yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ, muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái nên anh xin được hàn gắn.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Đào D K sinh ngày 04/3/2011 và Đào C D sinh ngày 17/6/2015. Hiện nay 2 con đang sống với anh, chị. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho anh, chị ly hôn anh chị đều yêu cầu được nuôi cả 2 con, khi nuôi chị Oh yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 2.000.000đ/tháng, anh S không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S, chị O xác định ngày 28/4/2016 có ký hợp đồng tín dụng số 16.094.066/2016 – HĐTD/NHDT860 vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh M số tiền 350.000.000đ. Đến ngày 18/10/2017 ký tiếp hợp đồng vay số 17.054.209/2017-HĐCVHM/NHCT860 vay thêm số tiền 70.000.000đ, tổng cộng 420.000.000đ khi vay thế chấp nhà đất tọa lạc tại phường 8, Tp M theo Giấy CNQSD đất số CD799419. Khi ly hôn, anh S, chị O thống nhất do đây là khoản nợ vay có thế chấp tài sản nên anh chị có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng cùng trả nợ cho ngân hàng, và xin tách số nợ này ra, nếu vợ chồng không thanh toán nợ Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Chị V – đại diện ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh M trình bày: Chị xác định lời trình bày của chị O, anh S về số nợ vay tại ngân hàng là đúng. Tính đến ngày 21/5/2018 thì anh S và chị O còn nợ ngân hàng số tiền 347.890.000đ. Trong quá trình vay anh, chị đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, không phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng thống nhất bên vay tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ, trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác, không yêu cầu gì trong vụ án này và xin không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn, hiện hai người đang sinh sống tại khóm 5, phường 8, Tp.M nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố M.

[2] Hôn nhân của chị O anh S được xác lập trên tinh thần tự nguyện có ĐKKH theo quy định của Luật HNGĐ, hôn nhân này là hợp pháp là căn cứ giải quyết tranh chấp về HNGĐ khi hai người phát sinh mâu thuẫn. Quá trình hoà giải và tại phiên tòa anh S yêu cầu hàn gắn và có đưa ra giải pháp giảm nhậu nhẹt, có thể ngưng hùng hạp bán nước sơn để lo lắng cho gia đình, nhưng chị O vẫn cương quyết xin ly hôn, chị xác định chị đã nhắc nhở và khuyên anh rất nhiều lần về vấn đề này nhưng anh không sửa đổi, việc anh hứa khắc phục chỉ là kéo dài mối quan hệ vợ chồng và càng làm cho chị bận tâm thêm, thực chất anh không hề lo lắng cho

vợ con. Xét thấy tuy hai người còn chung sống, nhưng sự lo lắng chăm sóc của anh đối với chị và con cái đã bị mai một, vì vậy đã làm cho tình cảm của chị đối với anh giảm dần, hiện tại chị xác định không còn, hôn nhân của anh chị còn tồn tại chỉ mang ý nghĩa hình thức mà không mang tính tự nguyện, như vậy mục đích hôn nhân của anh chị là không đạt, vì vậy cho anh chị ly hôn theo quy định tại điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp.

[3] Về con chung: Hai đứa con của anh chị một đứa trên 7 tuổi, một đứa chưa tròn 3 tuổi, về khả năng và điều kiện nuôi con cả hai anh chị đều có điều kiện ngang nhau vì anh chị đều là công chức, đối với cháu K trên 7 tuổi theo quy định tại đều 81 luật HNGĐ ngày 21/5/2018 Toà án tiến hành ghi ý kiến của cháu có sự chứng kiến của anh S chị O, cháu thể hiện ý chí muốn sống với anh S nên Toà án tôn trọng ý kiến này của cháu. Đối với cháu D đến nay cháu chưa tròn 3 tuổi cũng theo quy định tại điều 81 luật HNGĐ giao cháu lại cho chị O nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh chị mỗi người nuôi một đứa con nên nghĩa vụ nuôi con của anh chị là ngang nhau, nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị O không được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: anh S chị O tự thoả thuận Toà án không xem xét trong vụ án này.

Về nợ chung: Tuy anh chị có nợ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau nhưng việc vay của anh chị có tài sản thế chấp, theo trình bày của chị V đại diện cho Ngân hàng xác định anh chị không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tách số nợ này ra xử lý khi có vi phạm nên Toà án không xém xét đến.

[5] Về án phí HNGĐ chị O phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56,58 Luật HNGĐ; điều 147 BLTTDS

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị T O được ly hôn anh Đào M S.

2. Về con chung: Hai đứa đang sống chung với anh chị. Giao cháu Đào C D sinh ngày 17/6/2015 cho chị O trực tiếp nuôi. Giao cháu Đào D K sinh ngày 04/3/2011 cho anh S trực tiếp nuôi – Không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh S và chị O. Anh S chị O được phép tới lui thăm và dạy con không ai được cản trở, ngược lại anh, chị không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc anh, chị nuôi con .

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xin tách ra tự giải quyết không xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí HNGĐ 300.000đ chị O phải nộp, ngày 23/4/2018 chị đã dự nộp tại biên lại số 0688 được giữ y.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Ninh Quang Thế